

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **59/2021/HSST**

Ngày: 20/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Quốc Hòa

Ông Hồ Viết Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2021/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thanh T**(tên gọi khác: Đ); sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Phước. HKTT: Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; Con bà Võ Thị X, sinh năm: 1969, không rõ họ tên cha; bị cáo có em là Võ Thị Phú N, sinh năm 2009; Tiền án: (01) Ngày 04/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự, tại bản án số 137/2013/HSST ngày 13/9/2013; Tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 08/2020/QĐ-TA ngày 22/7/2020 của TAND huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: Ông Lê Văn D, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Ngọc T, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

2. Chị Mai Thị T, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

1. Cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh năm: 2003 (Vắng mặt)

2. Cháu Lê Thị Trà M, sinh năm: 2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thanh T là đối tượng nghiện chất ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, khoảng 12 giờ ngày 18/3/2020, T hỏi mượn xe mô tô biển số 93F4-9549 của anh Mai Ngọc T, trú tại: Thôn T, xã B, huyện R nói để đi mua đồ ăn thì được anh Tiến đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 93F4-9549, khi đi ngang qua nhà ông Lê Văn D, thuộc Thôn T, xã B, huyện R thì phát hiện trong sân nhà ông Diệu (nhà không có cổng) có 01 cây mai (cao 1,8 mét, chu vi gốc 21cm) được trồng trong chậu đặt trước sân và quan sát không thấy có người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt cây mai này để bán lấy tiền tiêu xài. T dựng xe mô tô ở ven đường, đi bộ đến vị trí cây mai và dùng tay nhổ cây mai ra khỏi chậu. Cùng lúc đó, con gái của ông Diệu là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 2003 và Lê Thị Trà M, sinh năm 2005 đang ở trong nhà nhìn ra ngoài thì phát hiện T đang nhổ cây mai của gia đình mình nên cháu N truy hô. T vẫn tiếp tục nhổ được cây mai vác bỏ lên xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy về hướng xã H, huyện R. Trên đường đi, T mượn điện thoại của 01 người dân đi đường để gọi điện thoại cho 01 người đàn ông mà T biết trước đó nhưng không rõ tên tuổi, nhân thân, lai lịch và hẹn gặp người này tại Điểm 2 (thuộc thôn 7, xã H, huyện R) rồi bán cây mai cho người này được số tiền 400.000 đồng. Sau đó T đến gặp Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước và dùng số tiền có được từ việc bán cây mai để mua ma túy của người này sử dụng.

Sau khi phát hiện gia đình bị lấy trộm mất cây mai thì cháu Như gọi điện thoại báo cho bố là ông Lê Văn D biết sự việc nên ông Diệu đã đến Công an xã B, huyện R để trình báo sự việc.

Ngày 25/3/2020, Công an xã B triệu tập Võ Thanh T lên làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Đến ngày 30/3/2020, qua tin báo của người dân phát hiện có 01 cây mai có đặc điểm như trên để ở ven đường thuộc thôn 7, xã H nên Công an xã H đã

thông báo, trao đổi với Công an xã B rồi Công an xã B tiến hành thu giữ cây mai trên và sau đó đã xác định đó là cây mai mà gia đình ông Diệu đã bị lấy vào ngày 18/3/2020.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng, kết luận: Tại thời điểm ngày 18/3/2020, trị giá của cây mai (chiều cao 1,8 mét, chu vi gốc 21cm) như trên là 1.500.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 cây mai cao 1,8 mét, chu vi gốc 21cm, qua điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lê Văn Diệu nên ngày 10/5/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Riềng đã xử lý trả lại cho ông D.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, mang biển kiểm soát: 93F4-9549; quá trình điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Mai Thị T, bà T không biết T sử dụng xe mô tô này để phạm tội nên ngày 09/6/2021, Cơ quan điều tra trả lại cho bà T.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Văn D đã nhận lại tài sản bị mất là cây mai và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 45/CTr-VKS ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Võ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T (tên gọi khác: B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Võ Thanh T mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Đối với vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý theo đúng quy định, về trách nhiệm dân sự người bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn T, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khai sau khi bán cây mai, đã lấy tiền và mua ma túy của T để sử dụng nhưng qua xác minh đối tượng này hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên chưa có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan điều tra tách hành vi trên ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông mua cây mai của T (theo lời khai của T), quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với Mai Ngọc T là người cho T mượn xe mô tô biển số 93F4-9549, qua điều tra xác định Tiến không biết T sử dụng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi phạm tội, cũng như tội danh theo bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nói lời sau cùng bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có ý kiến gì. Tại phiên tòa, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Võ Thành T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố. Phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo cùng với các vật chứng đã được thu giữ trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền để mua ma túy sử dụng, nên vào khoảng hơn 12 giờ, ngày 18/3/2020, tại Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước, lợi dụng việc ông Lê Văn D không có người trông coi tài sản, Võ Thanh T đã lén lút chiếm đoạt của ông Diệu 01 cây hoa mai có chiều cao 1,8 mét, chu vi gốc 21cm. Căn cứ bản kết luận định giá số 22 ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng, kết luận: Tại thời điểm ngày 18/3/2020, trị giá của cây hoa mai là 1.500.000 đồng. Mặc dù tài sản mà T chiếm đoạt có giá trị dưới định lượng (2.000.000 đồng). Tuy nhiên bị cáo Võ Thanh T có 01 tiền án, ngày 04/01/2013,

bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự, theo bản án số 137/2013/HSST ngày 13/9/2013, bị cáo T chưa chấp hành xong bản án nêu trên về phần trách nhiệm bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích. Do đó hành vi bị cáo Võ Thanh T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng truy tố bị cáo Võ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo và ăn năn về hành vi phạm tội của mình, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Lê Văn D đã nhận lại tài sản bị mất là cây mai và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng theo quy định. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Sau khi xem xét tính chất, mức độ, hậu quả về hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T (Bội đen) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng

